

Số: 8039 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 27 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 26/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		616	Giảm (17,6%)	46.332
Đang điều trị (21.368)	<i>Tầng 3</i>	25	Tăng (38,9%)	167
	<i>Tầng 2</i>	434	Tăng (38,2%)	5.252
	<i>Tầng 1</i>	994	Tăng (152,9%)	6.983
	<i>Khác</i>			8.966
Khỏi bệnh*		560	Giảm (32,6%)	24.532
Tử vong*		03	Giảm (50,0%)	432

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	21.570	Giảm (40,2%)	2.911.031
Dương tính	2.475 (616 ca mới, 1.859 theo dõi điều trị)	Giảm (39,6%)	103.430
Âm tính	19.036	Giảm (40,2%)	2.789.676

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 2.475/21.570 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 11,4%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	466	9.901	21.988	31.889
Cách ly tại nhà	136	11.867	54.488	66.355
Theo dõi sức khỏe	13	5.084	21.658	26.742

Trong ngày: 415 F1 (cộng dồn 20.831), 46 F2 (cộng dồn 31.430)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.684 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 21 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.663 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 28 ca, lũy kế 2.068 ca F0/144.330 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T

- DN có F0 trong ngày: 01 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 71/1.143 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+Cty TNHH Hưng nghiệp Formosa – KCN Nhơn Trạch III: có 28 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.461/2.068 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 70,6%

- Đang điều trị: 607 ca, chiếm 29,4%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 46.304 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 560 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 03 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 145 ca là phụ nữ đang mang thai, 3.376 ca dưới 18 tuổi, 421 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 39 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 39 ca thở máy xâm lấn

- 419 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 4.136 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.947 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.195 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.618 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 245 giường)
(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 616 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 02 ca sàng lọc trong cộng đồng, 150 ca trong khu phong tỏa và 464 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 02 ca trong cộng đồng:

- 01 ca ngụ tại vùng xanh khu phố 1, phường Tam Hòa, Biên Hòa. Nhập viện BVĐK Đồng Nai vì xuất huyết tiêu hóa, được làm test nhanh kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại ấp Xóm Gốc, xã Long An, Long Thành. Chưa rõ nguồn lây. Đã ghi nhận 05 ca lây nhiễm thứ phát vòng 1.

+ 150 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất phường Tam Hiệp (15)- Biên Hòa; Sông Trầu (62), Bắc Sơn (35), Hồ Nai 3 (14) – Trảng Bom

- Hiện còn 21 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom; các phòng xét nghiệm ghi nhận 59 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 307, Biên Hòa 74 (19 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 44 (31 trường hợp test nhanh dương tính), Xuân Lộc 25, Long Khánh 15;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 03 tàu, 58 người.

- Cộng dồn: 1.138 tàu, 21.278 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10 (từ ngày 17/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 23.767 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 1.043 người; Mũi 2: 22.724 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 2,17% (chưa nhận đủ vắc xin), đợt 10 đạt 35,53%

- Số liều vắc xin còn lại: 117.076 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.934.744 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.775.627 người** (chiếm tỉ lệ **78,77%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 159.117 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 7,06%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Triển khai Kế hoạch số 11456/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về Thần tốc xét nghiệm COVID-19 để kiểm soát vùng nguy cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày 19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 02 ca trong cộng đồng, trong đó:

- 01 ca ngụ tại vùng xanh khu phố 1, phường Tam Hòa, Biên Hòa. Nhập viện BVĐK Đồng Nai vì xuất huyết tiêu hóa, được làm test nhanh kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.

- 01 ca ngụ tại ấp Xóm Góc, xã Long An, Long Thành. Chưa rõ nguồn lây. Đã ghi nhận 05 ca lây nhiễm thứ phát vòng 1.

- Ghi nhận 150 ca trong khu phong tỏa nhiều nhất phường Tam Hiệp (15) - Biên Hòa; Sông Trầu (62), Bắc Sơn (35), Hồ Nai 3 (14) – Trảng Bom.

- Số ca nhiễm mới toàn tỉnh có xu hướng giảm dần, tuy nhiên ghi nhận ở Biên Hòa vẫn cao.

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 78,77%, mũi 2 là 7,06%.

IV. Kiến nghị

- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao triển khai triệt để Kế hoạch xét nghiệm thần tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.

- Các địa phương theo dõi sát tình hình địa bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

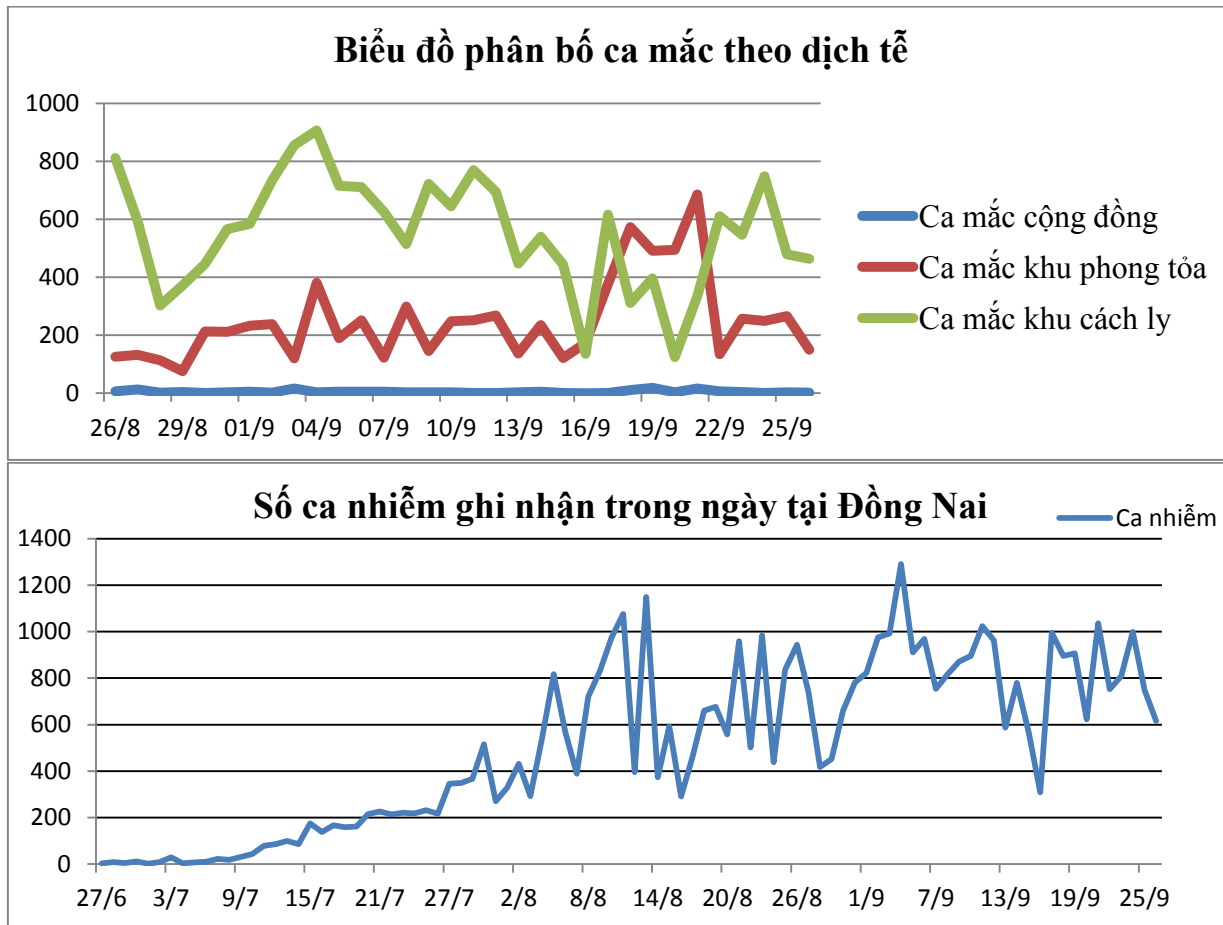
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	384	4,9%	1	360	23	18.741
2	Nhon Trạch	25	-86,6%	0	24	1	11.340
3	Vĩnh Cửu	62	520,0%	0	56	6	9.416
4	Trảng Bom	119	-21,7%	0	0	119	3.893
5	Long Thành	12	-29,4%	1	11	0	952
6	Thống Nhất	2	-	0	2	0	510
7	Long Khánh	1	0,0%	0	1	0	331
8	Xuân Lộc	10	-28,6%	0	10	0	309
9	Định Quán	0	-100%	0	0	0	253
10	Cẩm Mỹ	0	-	0	0	0	198
11	Tân Phú	0	-100%	0	0	0	24
12	Ngoại tỉnh, khác	1	-	0	0	1	333
Tổng cộng		616	-17,6%	2	464	150	46.300



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
						Cộng Đồng	Khu nhà trọ		
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (14)									
1	Biên Hòa	110	0	94	16	0			
1.1	<i>Bừu Hòa</i>	7		7					
1.2	<i>Hố Nai</i>	20		20					
1.3	<i>Long Bình</i>	47		46	1				
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	8		8					
1.5	<i>Quang Vinh</i>	3		3					
1.6	<i>Tam Hiệp</i>	16		1	15				
1.7	<i>Tân Biên</i>	8		8					
1.8	<i>Tân Vạn</i>	1		1					
2	Nhơn Trạch	5	0	5	0	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	2		2					
2.2	<i>Phước Thiện</i>	3		3					
3	Trảng Bom	76	0	0	76	0			
3.1	<i>Hố Nai 3</i>	14			14				
3.2	<i>Sông Trầu</i>	62			62				
4	Vĩnh Cửu	45	0	45	0	0			
4.1	<i>Thạnh Phú</i>	13		13					
4.2	<i>Thiện Tân</i>	32		32					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (21)									
1	Biên Hòa	149	1	147	1	0			
1.1	<i>Quyết Thắng</i>	0							

1.2	<i>Tam Hòa</i>	6	1	5				
1.3	<i>Tam Phước</i>	82		82				
1.4	<i>Tân Hiệp</i>	6		5	1			
1.5	<i>Tân Hòa</i>	3		3				
1.6	<i>Tân Mai</i>	4		4				
1.7	<i>Trảng Dài</i>	46		46				
1.8	<i>Trung Dũng</i>	2		2				
2	Long Thành	1	0	1	0	0		
2.1	<i>An Phước</i>	1		1				
2.2	<i>Tam An</i>	0						
2.3	<i>TT Long Thành</i>	0						
3	Nhơn Trạch	15	0	15	0	0		
3.1	<i>Đại Phước</i>	15		15				
3.2	<i>Phú Đông</i>	0						
3.3	<i>Phú Hội</i>	0						
4	Thống Nhất	1	0	1	0	0		
4.1	<i>Dầu Giây</i>	1		1				
5	Trảng Bom	35	0	0	35	0		
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	35			35			
5.2	<i>Bình Minh</i>	0						
6	Vĩnh Cửu	14	0	10	4	0		
6.1	<i>Tân An</i>	0						
6.2	<i>Trị An</i>	0						
6.3	<i>TT Vĩnh An</i>	10		6	4			
6.4	<i>Vĩnh Tân</i>	4		4				
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (23)								
1	Biên Hòa	111	0	105	6	0		
1.1	<i>An Bình</i>	32		32				
1.2	<i>Bình Đa</i>	33		27	6			
1.3	<i>Bửu Long</i>	3		3				

1.4	<i>Hiệp Hòa</i>	1		1					
1.5	<i>Tân Phong</i>	18		18					
1.6	<i>Thống Nhất</i>	0							
1.7	<i>Hóa An</i>	16		16					
1.8	<i>Phước Tân</i>	8		8					
2	Long Thành	9	0	8	0	1			
2.1	<i>Bình Sơn</i>	3		3					
2.2	<i>Long An</i>	6		5		1			
2.3	<i>Phước Thái</i>	0							
3	Nhơn Trạch	4	0	4	0	0			
3.1	<i>Long Thọ</i>	2		2					
3.2	<i>Phú Hữu</i>	2		2					
3.3	<i>Phú Thạnh</i>	0							
3.4	<i>Phước An</i>	0							
4	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
4.1	<i>Gia Kiệm</i>	0							
5	Trảng Bom	8	0	0	8	0			
5.1	<i>Đội 61</i>	0							
5.2	<i>Quảng Tiến</i>	0							
5.3	<i>Trung Hòa</i>	0							
5.4	<i>TT Trảng Bom</i>	8			8				
6	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0			
6.1	<i>Tân Bình</i>	0							
6.2	<i>TT Vĩnh An</i>	0							
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0			
7.1	<i>Xuân Hưng</i>	0							
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (112)									
1	Biên Hòa (06)								
1.1	<i>Long Hưng</i>			11					
1.2	<i>Tân Tiến</i>			1					

1.3	<i>Thanh Bình</i>			1					
2	Cẩm Mỹ (13)								
3	Định Quán (14)								
4	Long Khánh (15)								
4.1	<i>Xuân Bình</i>			1					
5	Long Thành (08)								
5.1	<i>Phước Bình</i>			2					
6	Nhơn Trạch (03)								
6.1	Vĩnh Thanh			1					
7	Tân Phú (18)								
8	Thống Nhất (08)								
8.1	<i>Bàu Hàm 2</i>			1					
9	Trảng Bom (09)								
10	Vĩnh Cửu (04)								
10.1	<i>Hiếu Liêm</i>			1					
10.2	<i>Mã Đà</i>			1					
10.3	<i>Phú Lý</i>			1					
11	Xuân Lộc (14)								
11.1	<i>Xuân Định</i>			1					
11.2	<i>Xuân Hòa</i>			9					

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	N.H.T	1964		BVDN	p. Hóa An, Biên Hòa	26/9/21	suy hô hấp -Viêm phổi mức độ nặng do SARS Cov 2/ Tăng Kali máu
02	K.T.D.H		1969	BVDN	Xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu	26/9/21	Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức độ nặng do SARS Cov 2/ TKMP
03	N.T.T		1925	BVDN	Tân Vạn, Biên Hòa	26/9/21	Ngưng tuần hoàn, suy hô hấp -Viêm phổi mức độ nặng do SARS Cov 2/ choáng nhiễm trùng/ suy kiệt

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	342.087	298.398	43.689	1.901	8	316.160	108,20%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	105,39%
Đợt 7	673.075	672.045	1.030	6.763	0	686.590	98,03%
Đợt 8	313.782	300.685	13.097	401	0	307.250	102,13%
Đợt 9	6.857	6.518	339	0	0	315.500	2,17%
Đợt 10	60.667	10.709	49.958	15	0	170.760	35,53%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.934.744	1.775.627	159.117	28.384	24	2.290.800	84,46%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	1	3	25		141		2		19	7			1			12	

2	BVTN/TTHSTC	400	200	17	1	6	3	111	127	188	19	20	7	19	34			1	1	79	32	89
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	3	0	0	0	17	54	35	24	4	0	1	12	0	0	0	1	6	3	23
4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	1	0	20	55	33	0	6	1	0	13	0	0	0	0	18	2	80
5	BV Nhi ĐN	20	10	1			1	0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	11	0	0	0	0	11	110	0	122	4	0	0	7	11	0	0	0	1	10	0
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	412	25	1	8	7	167	347	398	165	36	8	39	73	11	0	2	2	104	47	245

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	0	25	0	0	202	22	1	1062	2	0	0	6	88	114	5	36	158	3	83
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	9	0	1	0	338	85	0	935	0	0	0	7	150	70	8	75	156	17	20
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	60	29	0	0	423	62	0	1792	0	0	0	21	100	17	12	122	357	66	77
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	26	0	0	0	336	62	0	1306	0	0	0	5	61	275	0	98	306	5	9
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	200	32	0	933	0	0	0	3	65	135	3	42	7	17	112
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	75	70	0	0	713	100	0	3877	0	0	0	20	223	470	11	206	623	21	297
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	27	70	1	0	596	117	1	2604	0	0	0	10	240	346	12	162	386	36	104
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	13	1		0	648	35	0	1257	0	0	0	21	183	444	6	194		21	-13
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	0	0	0	0	562	19	0	1286	0	0	0	8	323	231	4	153	500	4	100
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	124	103	1	0	772	56	0	1886	0	0	0	26	145	627	5	175	579	18	35
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	73	0	0	0	256	0	0	0	0	0	0	2	156	100	3	56	174	4	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	5	0	0	156	23	0	474	0	0	0	1	101	58	0	12	152	4	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	8	7	2	0	62	95	14	196	2	0	0	40	30	7	7	1	12	23	12
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	15	2	4		57						2	29	26		26	31	0	0	
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	7	0	0	55	0	0	120	0	0	0	6	41	8	2	2	50	5	95
16	Bệnh viện ĐKKV Định	60	30	0	3	0	0	6	3	0	18	1	0	0	1	3	3	0	0	5	1	24

	Quán																					
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	2	1	1	0	0	0	1	
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	78	2	6	0	0	78	110	0	122	4	0	0	10	35	53	3	14	35	30	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	2	0	0	0	34				2	0	0	2	20	10	0	6	10	0	1
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	0	14	1	0	39	25	1	99	0	0	0	3	30	6	0	9	30	0	26
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	0	3	0	16	14	0	30	0	0	0	4	10	6	0	0	4	4	1
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	4	0	0	0	309	0	0	0	0	0	0	0	65	244	0	0	295	14	0
Tổng cộng (tầng 2)		10127	8970	434	342	13	0	5252	860	20	17997	11	0	0	200	2034	3007	81	1389	3575	280	3718
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4224	3800	256	178	34	0	3244	934	12	3907	0	0	0	12	1405	1966	25	910	2562	62	413
2	Long Khánh	432	432	2	1	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	1	2	0	0	3	0	429
3	Vĩnh Cửu	4189	4121	12	68	0	0	854	1299	3	5514	0	0	0	0	48	806	7	257	678	5	2801
4	Định Quán	100	89	0	0	0	0	7	42	0	72	0	0	0	0	1	6	0	3	4	0	
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	876	34	63	21	0	663	1127	1	1432	0	0	0	0	33	633	6	257	395	5	120
7	Thống Nhất	130	140	3	0	0	0	11	64	0	8	0	0	0	0	0	11	0	2	11	0	130
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	0	0	0	8	2	0	29	0	0	0	0	3	5	0	1	6	0	192
10	Long Thành	250	250	13	17	0	0	135	31	0	542	0	0	0	0	0	135	2	50	131	4	115
11	Nhon Trạch	3230	3210	165	82	21	0	1916	0	0	0	0	0	0	40	500	1376	21	505	1393	18	1294
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13991	13178	485	409	76	0	6983	3499	16	11509	0	0	0	52	1991	4940	61	1985	5183	94	6195
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24848	22560	944	752	97	7	12402	4706	434	29671	47	8	39	325	4036	7947	144	3376	8862	421	10158